

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: VI - NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp: 18CTN

Số tín chỉ: 03

Ngày thi: 17/12/2021

Môn: Dịch tổng hợp

Hệ: CDCQ

Địa điểm thi: Thi Online

Hình thức thi: Vấn đáp/Thực hành

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	Lê Văn Quốc	Anh	11/04/2000	9.0	Chín	
2	Trương Huỳnh Minh	Anh	16/05/1999	6.5	Sáu năm	
3	Hà Tấn	Cảnh	08/09/2000	6.0	Sáu	
4	Trần Thị Kim	Dung	11/12/2000	4.3	Bốn ba	
5	Chống Mỹ	Duyên	16/12/1999	9.7	Chín bảy	
6	Phan Thị Kiều	Giang	10/05/2000	10.0	Mười	
7	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	20/10/2000	9.5	Chín năm	
8	Vũ Thị	Hà	03/02/1997	8.0	Tám	
9	Lê Thị Thu	Hằng	17/06/2000	9.0	Chín	
10	Đoàn Nhật	Hào	03/03/2000	7.8	Bảy tám	
11	Huỳnh Hoài Minh	Hi	08/01/1999	7.8	Bảy tám	
12	Phan Thị Thanh	Hiền	17/11/2000	8.5	Tám năm	
13	Lê Văn	Hợp	07/11/2000	9.5	Chín năm	
14	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	10/09/2000	9.7	Chín bảy	
15	Lê Thị	Huyền	11/06/2000	8.0	Tám	
16	Trần Ngọc	Huyền	02/06/2000	5.0	Năm	
17	Võ Thị Mỹ	Huyền	21/08/1998	5.5	Năm năm	
18	Hồ Thị Thúy	Kiều	13/02/1999	9.0	Chín	
19	Phạm Hoàng	Lập	11/07/1999	10.0	Mười	
20	Nguyễn Thành	Long	25/08/1966	9.2	Chín hai	
21	Nguyễn Văn	Lực	08/07/2000	7.0	Bảy	
22	Huỳnh Hoàng Kim	Ngân	18/09/2000	7.0	Bảy	
23	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/04/1999	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	07/09/1997	6.4	Sáu bốn	
25	Nguyễn Hồng	Nhung	17/09/2000	6.5	Sáu năm	
26	Nguyễn Thị Tố	Quyên	28/07/2000	8.5	Tám năm	

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	Hàng Nguyễn Mộng	Quỳnh	13/11/1999	9.5	Chín năm	
28	Quan Văn	Thắng	18/03/2000	7.0	Bảy	
29	Trần Thị Thanh	Thảo	28/04/2000	7.5	Bảy năm	
30	Nguyễn Minh	Tiến	01/01/1997	7.7	Bảy bảy	
31	Đặng Thị Mai	Trân	13/03/2000	4.5	Bốn năm	
32	Lê Thị Bảo	Trang	01/10/2000	9.3	Chín ba	
33	Võ Thị Hoàng	Trang	19/09/2000	9.5	Chín năm	
34	Nguyễn Thị Ngọc	Triệu	20/05/2000	9.5	Chín năm	
35	Đỗ Thị Ngọc	Trình	04/05/2000	9.7	Chín bảy	
36	Dương Hoài	Tú	08/04/2000	5.5	Năm năm	
37	Nguyễn Thị Hạ	Vi	20/10/2000	9.0	Chín	
38	Bùi Văn	Võ	18/11/1999	7.0	Bảy	
39	Phạm Trần Phương	Vy	30/10/2000	8.0	Tám	
40	Nguyễn Thị Kim	Xoan	14/09/2000	3.5	Ba năm	
41	Lê Thị Ngọc	Biên	12/02/1998	9.5	Chín năm	
42	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	24/09/1999	7.0	Bảy	

Số SV dự thi: 42

Số SV vắng thi: 00

Phòng Khảo thí & ĐBCL

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy